

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PGS

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ Giảng viên thỉnh giảng:

Ngành: Ngôn ngữ học Chuyên ngành: Ngôn ngữ học ứng dụng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: Hoàng Ngọc Tuệ
- Ngày tháng năm sinh: 09/11/1977; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
- Quê quán: Xã Song Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 807, tòa nhà CT1A, KĐT Hải Đăng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ liên hệ: Phòng 807, tòa nhà CT1A, KĐT Hải Đăng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0967815166;
E-mail: tuehoang77@gmail.com / hoangngoctue@hau.edu.vn
- Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Được tuyển dụng chính thức vào Trường Đại học Công nghiệp từ 1/9/2000 với quá trình công tác như sau:

Tháng/ năm		Đơn vị công tác	Chức danh/ chức vụ
Từ	Đến		
09/2000	11/2001	Trường Cao đẳng Công nghiệp Hà Nội	Giáo viên, Tổ Cao đẳng
12/2001	10/2005	Trường Cao đẳng Công nghiệp Hà Nội	Giáo viên, Tổ phó Tổ Cao đẳng

Tháng/ năm		Đơn vị công tác	Chức danh/ chức vụ
Từ	Đến		
11/2005	09/2006	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Giảng viên, Tổ trưởng Tổ Cao đẳng
10/2006	10/2007	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Giảng viên, Trưởng Bộ môn Tiếng Anh không chuyên
11/2007	12/2010	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ
12/2010	12/2014	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Giảng viên, được cử đi học nước ngoài (Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Công nghệ Queensland, Australia)
01/2015	01/2015	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ
02/2015	12/2015	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Giảng viên, Phó Trưởng Khoa Ngoại ngữ
12/2015	12/2021	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Giảng viên, Trưởng Khoa Ngoại ngữ
01/2022	Đến nay	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Giảng viên, Hiệu trưởng Trường Ngoại ngữ - Du lịch

Tôi đã liên tục tham gia giảng dạy đại học và sau đại học tại Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội từ tháng 11/2005 đến nay (06/2025), với tổng thời gian giảng dạy đại học là 15 năm 8 tháng (đã trừ 4 năm nghiên cứu sinh nước ngoài). Trong suốt quá trình giảng dạy, tôi luôn hoàn thành nhiệm vụ theo quy định đối với một giảng viên đại học.

Chức vụ hiện nay: Hiệu trưởng Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Chức vụ cao nhất đã qua: Hiệu trưởng Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 298, đường Cầu Diễn, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243.7655121

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 10 năm 1999; số văn bằng: 135952; ngành: Tiếng Anh - Sư phạm. Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 12 tháng 10 năm 2006; số văn bằng: 025094; Ngành: Ngôn ngữ Anh; chuyên ngành: Giảng dạy Tiếng Anh (TESOL). Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 7 năm 2015; số văn bằng: 7702167 ngành: Ngôn ngữ học ứng dụng; chuyên ngành: Giảng dạy Tiếng Anh. Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Công nghệ Queensland, Úc. Bằng Tiến sĩ đã được kiểm định và công nhận tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 1 tháng 10 năm 2025, số vào sổ đăng ký: 008113/CNVB-TS.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **PGS** tại HĐGS cơ sở: Trường ĐHCN Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **PGS** tại HĐGS ngành, liên ngành: Ngôn ngữ học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: Các nghiên cứu đều trong phạm vi của chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng, cụ thể:

- Hướng nghiên cứu 1: Ứng dụng phân tích diễn ngôn và dụng học diễn ngôn để nghiên cứu đặc điểm tiếng Anh trong các môi trường làm việc khác nhau;

- Hướng nghiên cứu 2: Giáo dục ngôn ngữ tiếp cận theo lý thuyết ngôn ngữ học chức năng hệ thống.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn **13** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành **04** đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: chủ nhiệm **01** đề tài cấp Bộ và **03** đề tài cấp Trường;

- Đã công bố **31** bài báo khoa học, trong đó **04** bài báo khoa học là tác giả chính trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Đã xuất bản **04** cuốn giáo trình đào tạo đại học, trong đó **02** cuốn do nhà xuất bản có uy tín (NXB ĐHQG Hà Nội)

- Đã xuất bản **01** chương sách (là tác giả chính) phục vụ đào tạo sau đại học (Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh): Sách do NXB có uy tín trên thế giới (NXB Springer) xuất bản;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương (năm 2017); Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (năm 2020), CSTĐCS (năm học 2017-2018, 2019-2020, 2022-2023, 2023-2024)

16. Kỷ luật:

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong quá trình gần 25 năm thực hiện nhiệm vụ giảng dạy (trong đó có 15 năm 8 tháng giảng dạy đại học và sau đại học), tôi tự nhận thấy bản thân đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của nhà giáo và đã thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo, cụ thể như sau:

- Chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có đạo đức, lối sống lành mạnh.

- Tận tụy, tâm huyết trong công việc, có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công tác, có thái độ giao tiếp mẫu mực với người học.

- Có đầy đủ bằng cấp và chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp của một giảng viên đại học.

- Có ý thức và khả năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thông qua việc tự học, tự nghiên cứu, tham gia các chuyên đề, hội thảo và các khóa bồi dưỡng.

- Bảo đảm sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.

- Thực hiện giảng dạy vượt định mức giờ chuẩn theo quy định, đảm bảo chất lượng giảng dạy, có kiến thức chuyên môn vững vàng, có phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp. Tham gia giảng dạy đầy đủ ở bậc đại học và sau đại học theo phân công.

- Thực hiện nghiên cứu khoa học hiệu quả: đã chủ trì và bảo vệ thành công 01 đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ Công Thương và 03 đề tài cấp cơ sở; hướng dẫn 13 học viên cao học ngành Ngôn ngữ Anh thực hiện và bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ; đang hướng dẫn 05 nghiên cứu sinh ngành Ngôn ngữ Anh; đã xuất bản 31 bài báo khoa học (trong đó có 04 bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế uy tín), 04 sách phục vụ đào tạo trình độ đại học và 01 chương sách phục vụ đào tạo sau đại học do nhà xuất bản uy tín trên thế giới (NXB Springer) phát hành.

- Có đóng góp đáng kể cho hoạt động giáo dục ngôn ngữ: trong 06 năm qua đã chủ động xây dựng đội ngũ và các điều kiện đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để mở mới 04 chương trình đào tạo sau đại học (Tiến sĩ Ngôn ngữ Anh, tiến sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc, thạc sĩ Ngôn ngữ Anh, thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc); mở mới 02 chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ học và Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam tại Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Cùng với các ngành đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh, Trung, Nhật, Hàn được mở trong giai đoạn 2017-2019, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là một trong số các cơ sở đào tạo lớn và uy tín về đào tạo khối ngôn ngữ ở Việt Nam.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Có đóng góp cho hoạt động của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia: đã tham gia và chủ trì triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giảng viên tiếng Anh khối các trường nghề, cao đẳng và đại học thuộc Bộ Công Thương theo nhiệm vụ hằng năm của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia giao cho Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Tham gia và có đóng góp vào sự phát triển chuyên môn của các hội nghề nghiệp như là thành viên Ban Chấp hành Hội Ngôn ngữ học Việt Nam nhiệm kỳ 2022-2027; thành viên Ban Chấp hành và Trưởng ban Thư ký Phân hội nghiên cứu và giảng dạy Tiếng Anh (Viettesol), là Thành viên/ Đồng Trưởng ban/ Trưởng ban Ban Tổ chức của Hội thảo quốc gia/quốc tế do Hội, Phân hội và Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội tổ chức.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo đại học trở lên: 15 năm 8 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020			2		268	0	268/ 268/ 210
2	2020-2021			3		125	105	230/ 372,5/ 180
3	2021-2022			0		80	195	275/ 372,5/ 120
03 năm học cuối								
4	2022-2023			1		150	150	300/ 375/ 60
5	2023-2024			1		145	90	235/ 310/ 60
6	2024-2025			1		145	60	205/ 265/ 60

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Luận án TS ☒ ; tại nước: Úc năm 2015

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường Đại học cấp bằng tốt nghiệp ĐH Tiếng Anh - Sư phạm: Trường ĐHNN - ĐHQGHN; số bằng: 135952; năm cấp: 1999

- Trường Đại học cấp bằng tốt nghiệp ThS Ngôn ngữ Anh: Trường Đại học Hà Nội; số bằng: 025094; năm cấp: 2006

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng): Bằng cử nhân Tiếng Anh - Sư phạm (chính quy)

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hải Yến		HVCH	x		30/06/2016 - 16/12/2017	ĐHNN-ĐH QGHN	Số hiệu: OM 033488 28/05/2018
2	Vũ Thanh Loan		HVCH	x		15/12/2017 - 25/12/2018	ĐHNN-ĐH QGHN	Số hiệu: OM 034559 16/04/2019
3	Trần Thị Thương		HVCH	x		15/12/2017 - 17/12/2020	ĐHNN-ĐH QGHN	Số hiệu: OM 037981 24/06/2021
4	Đàm Nữ Ánh Nguyệt		HVCH	x		17/07/2018 - 01/07/2021	ĐHNN-ĐH QGHN	Số hiệu: OM 038166 14/01/2022
5	Nguyễn Minh Quý		HVCH	x		17/07/2018 - 07/07/2021	ĐHNN-ĐH QGHN	Số hiệu: OM 038168 14/01/2022
6	Hoàng Hồng Diễm		HVCH	x		01/06/2022 - 21/11/2023	ĐHNN-ĐH QGHN	Số hiệu: OM 043595 25/06/2024
7	Lê Thị Thúy Nga		HVCH	x		11/10/2017 - 07/09/2019	ĐH Thái Nguyên	Số hiệu: A7719 01/11/2019
8	Hoàng Kim Yến		HVCH	x		11/10/2017 - 07/09/2019	ĐH Thái Nguyên	Số hiệu: A7748 01/11/2019

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
9	Vũ Thị Hương Sen		HVCH	x		30/11/2020 - 19/12/2021	ĐHCNHN	Số hiệu: DCN. E00525 25/01/2022
10	Hà Anh Tuấn		HVCH	x		30/11/2020 - 18/12/2021	ĐHCNHN	Số hiệu: DCN. E00526 25/01/2022
11	Phạm Thị Hương		HVCH	x		30/11/2020 - 27/06/2021	ĐHCNHN	Số hiệu: E00476 12/08/2021
12	Dương Ngọc Hân		HVCH	x		21/12/2023 - 06/04/2024	ĐHCNHN	Số hiệu: DCN. E01108 22/07/2024
13	Đoàn Thị Thu Trang		HVCH	x		09/09/2024 - 23/02/2025	ĐHCNHN	QĐ cấp bằng số 907 ngày 11/06/2025

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Tiếng Anh Lễ tân Khách sạn	GT	NXB Giao thông vận tải, 2020	6	x	Bài 7 (Unit 7 - trang 87 - 101), bài 8 (Unit 8 - trang 102 - 111), hoạt động luyện tập bài 7, bài 8 (activity materials: Unit 7 trang 113, Unit 8 trang 114), bản ghi phần nghe bài 7, bài 8 (transcript Unit 7 và Unit 8 trang 116 - 121).	Số 30/GXN- ĐHCN ngày 02/6/2025
2	Tiếng Anh Điện - Điện tử	GT	NXB Giao thông	5	x	Bài 7 (Unit 7 từ trang 90 đến trang 104), bài 8 (Unit 8 trang	Số 32/GXN- ĐHCN ngày 02/6/2025

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
			vận tải, 2020			105 - 120), phần Activity file (từ trang 126 - 127).	
3	Tiếng Anh Du lịch Khách sạn 5	GT	NXB ĐHQG Hà Nội, 2023	5	x	Bài 1 (Unit 1 - từ trang 15 đến trang 30), Bài 2 (Unit 2 - trang 31 - 42), hoạt động luyện tập bài 1 (Activity materials Unit 1 - trang 113) và bản ghi phần nghe bài 1 và bài 2 (Transcripts Unit 1 và Unit 2 - trang 118 - 119).	Số 31/GXN-ĐHCN ngày 02/6/2025
4	Tiếng Anh Điện - Điện tử 5	GT	NXB ĐHQG Hà Nội, 2023	6	x	Bài 7 (Unit 7- trang 97 - 110), Bài 8 (Unit 8- trang 111 - 120).	Số 29/GXN-ĐHCN ngày 02/6/2025
5	English Medium Instruction Practices in Vietnamese Universities	TK	Springer, 2022	2	x	Chapter 6: English Medium Classroom Practices in Action: Facilitating Student Learning and Engagement in a Vietnamese University (trang 89 - 106)	Quyết định số 81/QĐ-ĐHCN ngày 15/1/2025
6	English Medium Instruction Practices in Vietnamese Universities	TK	Springer, 2022	2		Chapter 10: University Assessment Practices in English Medium Education in Vietnam: Maintaining Learning Engagement and Encouraging Student Enrolment (trang 153 - 169)	Quyết định số 81/QĐ-ĐHCN ngày 15/1/2025

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: **01** (Chương sách được NXB uy tín thế giới **Springer** xuất bản năm 2022), số TT [5].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
...					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	ĐT: Nghiên cứu quy trình ứng dụng phương pháp học kết hợp (Blended learning) vào giảng dạy Tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp (EOP) cho các đơn vị đào tạo trực thuộc Bộ Công Thương	CN	Mã số: 064.2018.ĐT. BO/HĐKH-CN, cấp Bộ	Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018	Nghiệm thu ngày 29/12/2018 Xếp loại: Đạt yêu cầu
2	ĐT: Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc học tiếng Anh theo phương pháp kết hợp đối với sinh viên năm thứ nhất Đại học Công nghiệp Hà Nội	CN	Mã số: 26.2016- RD/HĐ- ĐHCN, cấp Trường	Từ tháng 04/2016 đến tháng 04/2018	Nghiệm thu ngày 25/05/2018 Xếp loại: Khá
3	ĐT: Xây dựng các bộ công cụ điều tra, khảo sát xác định chuẩn đầu ra tiếng Anh theo yêu cầu của thị trường lao động	CN	Mã số: 25.2017- RD/HĐ- ĐHCN, cấp Trường	Từ tháng 06/2017 đến tháng 06/2019	Nghiệm thu ngày 21/06/2019 Xếp loại: Khá
4	ĐT: Nghiên cứu, đánh giá nhận thức và hoạt động phát triển chuyên môn của các giảng viên trẻ Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nhằm nâng cao chất lượng đào tạo	CN	Mã số: 38.2024- RD/HĐ- ĐHCN, cấp Trường	Từ tháng 01/2024 đến tháng 06/2025	Nghiệm thu ngày 27/06/2025 Xếp loại: Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1								
...								
II	Sau khi được công nhận TS							
1	Áp dụng hoạt động viết nhật ký trong dạy kỹ năng viết tiếng Anh tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội: Thực trạng và giải pháp	4	x	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự, ISSN 2525-2232			Số 14, tr.46-53	07/2018
2	English for specific purposes education at tertiary level: Feedback from the industry	2	x	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, ISSN: 0868-3409		3	Số 5 (285), tr.72-77	05/2019
3	Đánh giá chương trình tiếng Anh chuyên ngành tại một trường Đại học của Việt Nam	6		Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài, ISSN: 2525-2445		2	Tập 35, số 5, tr.41-53	09/2019
4	English for language requirements at workplace for students of Tourism and Hospitality at public universities in Vietnam	4	x	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, ISSN: 0868-3409			Số 11 (291), tr.148-165	11/2019
5	Key stakeholders' perspectives on English language requirements at work: concerns and solutions.	2		Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, ISSN: 0868-3409			Số 5B (298), tr.85-93	05/2020
6	Nhận thức của giáo viên và thực tế hoạt động giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh cho sinh viên không chuyên	2	x	Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư, ISSN: 1859-3135			Số 5 (67), tr.110-117	09/2020
7	Thiết kế dạy kỹ năng nói tiếng Anh theo	2	x	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời			Số 9 (302),	09/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	đường hướng ngữ cảnh hóa			sống, ISSN: 0868-3409			tr.73-76	
8	The investigation into factors affecting anxiety in oral presentation of EFL students	3	x	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, ISSN: 0868-3409			Số 11B (305), tr.122-129	11/2020
9	Tìm hiểu về đa trí tuệ và quy trình thiết kế bài giảng cho lớp học đa trí tuệ	3	x	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, ISSN: 0868-3409			Số 2 (308), tr.48-57	02/2021
10	Vocational English Teachers' Challenges on Shifting Towards Virtual Classroom Teaching	2	x	AsiaCALL Online Journal, ISSN: 1936-9859		41	Vol 12, No.3, pp.58-73	03/2021
11	Áp dụng phương pháp dạy học theo nhiệm vụ trong học phần Kỹ năng Nói tiếng Anh cho sinh viên năm thứ 2 chuyên ngành ngôn ngữ Anh	2	x	Tạp chí Ngôn ngữ, ISSN: 0866-7519			Số 7 (369), tr.43-51	05/2021
12	Content lecturers' perceptions of EMI implementation at a technical university	5	x	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, ISSN: 0868-3409			Số 5B (312), tr.176-184	05/2021
13	EFL Teachers' Perceptions and Challenges on Online Classroom Management During Covid-19 Pandemic	3	x	Proceedings The 9th OpenTESOL International Conference 2021, ISBN: 978-604-922-980-0		3	Tr.108-134	05/2021
14	Low-intermediate EFL students' perceptions of the use of vocabulary notebooks to improve vocabulary acquisition	2	x	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, ISSN: 0868-3409			Số 11B (319), tr.84-92	11/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
15	Về chiến lược giao tiếp bằng tiếng Anh của nhân viên người Việt tại các công ty nước ngoài	3	x	Tạp chí Ngôn ngữ, ISSN: 0866-7519			Số 12 (374), tr.3-15	12/2021
16	An investigation of the readiness to implement blended learning in higher education in Vietnam	4	x	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, ISSN: 0868-3409			Số 6A (326), tr.77-86	06/2022
17	A Cuoi language description and extensive glossary	3		JSEALS Special Publication E-ISSN: 1836-6821	Scopus (Q3)		No.10	11/2022
18	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới học phát âm tiếng Anh của người học tiếng Anh không chuyên ở bậc Đại học	3	x	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, ISSN: 0868-3409			Số 01 (335), tr.48-57	01/2023
19	Students' Challenges on Learning EMI Courses at a Technical University in Vietnam: An Investigation from Students' Voices	4	x	Proceedings of the 19th AsiaCALL International Conference; ISBN: 978-8-9870112-1-8		8	Vol 1, pp.131-151	03/2023
20	Challenges of tourism and hospitality students towards online learning component in blended learning classes at Hanoi University of Industry	3	x	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, ISSN: 0868-3409			Số 5B (340), tr.59-67	05/2023
21	Exploring the EOP Course Learning Outcomes from Stakeholders'	5	x	Proceedings of international conference on English for Occupational			Vol. 1, pp. 59-72	12/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Perspectives at a Vietnamese University			Purposes. ISBN: 978-604-300-784-8				
22	Exploring Chatbot AI in improving vocational students' English pronunciation	3	x	AsiaCALL Online Journal ISSN: 1936-9859		33	Vol 14, No.2, pp.140-155	12/2023
23	English communication needs of professional engineers and the relevance of English language training in Higher Education	4	x	Taiwan Journal of TESOL ISSN: 1814-9448	Scopus (Q1)		Vol.21. 2, pp.33-64	2/2024
24	The influence of transformational leadership on self-efficacy and knowledge sharing of teachers: moderating role of knowledge-oriented school culture	2	x	VINE Journal of Information and Knowledge Management Systems ISSN: 2059-5891	Scopus (Q1)	5	Vol 55, No.4, pp.828-845	01/2024
25	Students' Satisfaction with Online Learning Component in Blended Learning Classes at Hanoi University of Industry	3	x	Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam ISSN: 1013-4328			Số 2 (219), tr.70-93	03/2024
26	English for electrical and electronics engineering: an analysis of English language requirements in the workplaces	4	x	Proceedings of international conference on English for Occupational Purposes. ISBN: 978-604-432450-0			pp.11-33	08/2024
27	The influence of transformational leadership on knowledge sharing of	2	x	The Learning Organization ISSN: 0969-6474	Scopus (Q2)	7	Vol 32, No.2 pp.328-349	10/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	teachers: the roles of knowledge-centered culture and perceived organizational support							
28	Exploring daily dictation app to improve listening skills for non-English majors at a private university	3	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ trường Đại học Công nghiệp Hà Nội P-ISSN: 1859-3585 E-ISSN: 2615-9619			Tập 61, số 2, tr.91-99	02/2025
29	Ứng dụng ghi âm trong hoạt động nhập vai để nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên chuyên ngành kỹ thuật tại Đại học Công nghiệp Hà Nội	3		Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự, ISSN 2525-2232			Số 47, tr.51-62	03/2025
30	The Impact of Interactive Teaching Methods on Students' Learning Outcomes in Blended Learning Environment at Higher Education Institutions	2	x	Journal of Posthumanism P-ISSN: 2634-3576 E-ISSN: 2634-3584	Scopus (Q3)	2	Vol. 5, No. 4, pp. 1447-1458	04/2025
31	Young English lecturers' perceptions and practices of professional development activities at a public university in Hanoi	5	x	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, ISSN: 0868-3409			Số 6B (369), tr.283-291	06/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: [23], [24], [27], [30]

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
....					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh trình độ Thạc sĩ	Chủ trì Tổ soạn thảo chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh	Quyết định số 845/QĐ-ĐHCN ngày 27/08/2018 về việc thành lập Tổ soạn thảo chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ	Quyết định số 299-QĐ/ĐHCN ngày 01/04/2019 v/v thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; có BB họp Hội đồng thẩm định (minh chứng kèm theo)	Quyết định số 494/QĐ-ĐHCN ngày 17/05/2019 về việc ban hành chương trình và Quyết định số 492/QĐ-ĐHCN ngày 17/05/2019 về việc mở ngành đào tạo NN Anh trình độ Thạc sĩ	
2	Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh trình độ Tiến sĩ	Ủy viên Hội đồng xây dựng Đề án và chương trình đào tạo	Quyết định số 606/QĐ-ĐHCN ngày 16/05/2024 về việc thành lập Hội đồng xây dựng đề án và chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ tiến sĩ, mã số 9220201	Quyết định số 995/QĐ-ĐHCN ngày 22/07/2024 v/v thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo của Đề án mở ngành Ngôn ngữ Anh trình độ tiến sĩ, có BB họp Hội đồng thẩm định (minh chứng kèm theo)	Quyết định số 1445/QĐ-ĐHCN ngày 11/10/2024 về việc ban hành bộ chương trình đào tạo và Quyết định số 1581/QĐ-ĐHCN ngày 01/11/2024 về việc mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Ngôn ngữ Anh, mã ngành 9220201	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ..

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng

ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU
CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Hoàng Ngọc Tuệ